

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày 30 – 6 – 2022
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-DS, ngày 06/4/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-DS, ngày 12/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2022/QĐST-DS ngày 27/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2022/QĐST-DS ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T – sinh năm 1980; địa chỉ: ấp 1, xã VT, huyện VTH, tỉnh H - có mặt.

Bị đơn: Bà Dương Thị Th – sinh năm 1956; địa chỉ: ấp 1, xã VT, huyện VTH, tỉnh H – vắng mặt.

Người làm chứng: Trần Kim E – sinh năm 1975; địa chỉ: ấp 1, xã VT, huyện VTH, tỉnh H – có mặt.

Phạm Thị B, sinh năm 1969, ấp 1, xã VT, huyện VTH, tỉnh H – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Trong tháng 4 năm 2021 tôi có cho bà Dương Thị Th mượn nhiều lần, tính đến ngày 10/4/2021 (âm lịch) bà Th đã mượn tổng số T 11.800.000đồng. Trước

ngày 10/4/2021 (âm lịch) khoảng 10 ngày, bà Th có đến mượn tiền lần thứ nhất số tiền 4.000.000đồng, lần thứ 2 số tiền 2.000.000đồng, lần 3 số tiền 2.000.000đồng, lần 4 số tiền 1.000.000đồng, lần 5 số tiền 1.000.000đồng tính đến ngày 10/4/2021 tổng số tiền là 10.000.000đồng, lúc đưa có bà Kim E đi bán vé số ngang chứng kiến, tôi có nói *“hôm nay ngày 10.4 là 10.000.000đồng nha Tư”*. Lúc đưa tiền không có làm biên nhận, không có người chứng kiến. Khoảng 05 ngày sau, bà Th có mượn thêm 3.000.000đồng nhưng tôi chỉ có 2.800.000đồng nên đưa cho bà Th số tiền 2.800.000đồng. Sau đó, bà Th trả cho tôi 1.000.000đồng. Như vậy, bà Th đã nợ tôi tổng cộng 11.800.000đồng, lúc tôi cho bà Th vay không có tính lãi suất, thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay tiền để trị bệnh. Lúc đưa tiền có bà Trần Kim E đi bán vé số ngang thấy và bà Phạm Thị B là người giúp việc thấy. Ngoài ra tôi không có chứng cứ nào khác. Đối với việc bà Th trình bày tôi dùng nhà để chứa chấp việc đánh bài và cho bà Th mượn tiền để đánh bài là không đúng sự thật.

Bị đơn bà Dương Thị Th trình bày ý kiến: Tôi không có mượn tiền của bà T như lời trình bày, tôi chỉ có mượn 2.800.000đồng. Tôi mượn 3 lần: Lần thứ nhất mượn số tiền 1.000.000đồng, lần thứ 2 tôi mượn số tiền 600.000đồng, lần thứ 3 mượn số tiền 1.200.000đồng. Tôi không nhớ ngày tháng năm mượn, mục đích mượn tiền để đánh bài tại nhà bà T, do bà T chứa bài, do bà T đánh bài tứ sắc thiếu tay nên kêu tôi qua đánh, gom lại nhiều lần tổng số tiền 2.800.000đồng, tôi chỉ nhớ là trong mùa dịch năm 2021, nhưng tôi đã trả được 1.000.000đồng còn nợ 1.800.000đồng, lúc đánh bài với bà T, có bà Kim E tham gia đánh, còn lại những ai tham gia đánh bài tôi không nhớ. Tôi chỉ đồng ý trả thêm số tiền 1.800.000đồng.

Người làm chứng Trần Kim E trình bày ý kiến: Tôi không có chứng kiến được sự thỏa thuận vay mượn tiền giữa bà T và bà Th như thế nào. Ngày 10/4/2021 tôi có đi bán vé số ngang nhà bà T, tôi có vô nhà mời vé số bà T có chứng kiến bà T đưa tiền cho bà Th nhưng đưa bao nhiêu thì tôi không biết, có nghe bà T nói với bà Th *“lần này nữa là 10.000.000đồng nha Tư”*. Còn việc đưa tiền mệnh giá bao nhiêu, số lượng bao nhiêu thì tôi không biết. T có mối quan hệ là bà con xa với tôi, còn bà Th không có bà con, tôi và bà Th không có mâu thuẫn gì, tôi và bà Th là hàng xóm. Sự việc bà Th trình bày tôi có tham gia đánh bài tứ sắc ăn tiền với bà Th và bà T tại nhà bà T là không đúng.

Người làm chứng Phạm Thị B trình bày ý kiến: Khoảng năm 2021 tôi không nhớ ngày, không nhớ tháng, tôi có giúp việc nhà cho bà Trần Thị T có chứng kiến sự việc: Thấy bà T đưa cho bà Dương Thị Th (còn gọi là di Tư) qua nhiều lần số tiền như sau: Lần thứ nhất số tiền 4.000.000đồng, lần thứ 2 số tiền

2.000.000đồng, lần thứ ba số tiền 2.000.000đồng, lần thứ tư số tiền 1.000.000đồng, lần sau cùng là đưa thêm số tiền 1.000.000đồng. Tôi có nghe bà T nói với bà Th “*Lần này nữa là 10.000.000đồng nghe Tư*”. Tôi không nhớ ngày tháng năm đưa tiền, tôi không biết hai bên có thỏa thuận gì, khi bà T đưa tiền cho bà Th thì tôi chỉ nghe bà T nói với bà Th số tiền chứ không biết mệnh giá là bao nhiêu, không chứng kiến trực tiếp việc giao tiền và số lượng chính xác là bao nhiêu, tiền đó là tiền gì thì tôi không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện bà Dương Thị Th yêu cầu trả số tiền nợ gốc đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Dương Thị Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Dương Thị Th.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Th trả số tiền nợ gốc 11.800.000đồng, bà T không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy: Việc thỏa thuận cho vay giữa bà T và bà Th không lập thành văn bản, không có người chứng kiến, bà T xác định việc đưa tiền cho bà Th nhiều lần khác nhau không nhớ rõ ngày, tháng, tính đến ngày 10/4/2021 (âm lịch) bà Th đã vay tổng số tiền 11.800.000đồng. Mục đích vay để trị bệnh, thời hạn vay 01 tháng, không có thỏa thuận lãi suất.

Bị đơn bà Dương Thị Th chỉ thừa nhận có vay số tiền 2.800.000đồng trong mùa dịch bệnh Covid-19 năm 2021 (không nhớ rõ ngày tháng), không có thỏa thuận thời hạn, không thỏa thuận lãi suất. Bà Th đã trả cho bà T số tiền nợ gốc 1.000.000đồng, còn nợ 1.800.000đồng. Mục đích vay là để đánh bài tại nhà bà T. Bà Th chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 1.800.000đồng.

[4] Quá trình tố tụng tại tòa án, đối với lời khai người làm chứng Trần Kim E, bà Phạm Thị B xác định chỉ nhìn thấy bà T đưa tiền cho bà Th và nghe bà T nói với bà Th “*lần này nữa mười triệu nha Tư*”, ngoài ra không có chứng kiến

được việc bà Th và bà T thỏa thuận vay, không biết được số lượng mệnh giá tiền cụ thể, không nhớ ngày tháng năm đưa tiền.

[5] Tại phiên tòa, bà Phạm Thị B là người giúp việc nhà cho bà Trần Thị T khai: Bà B làm giúp việc nhà cho bà T nên chứng kiến việc bà T có giao tiền cho bà Th lần cuối cùng (không nhớ ngày tháng năm) thì bà T có nói với bà Th *“lần này là nữa là 10.000.000 đồng nha Tư”*. Lúc đó, không thấy có mặt bà Kim E ở đó, chỉ có mặt bà T và bà Th. Tại phiên tòa, bà Kim E xác định: Bà Kim E đi bán vé số ngang nhà bà T, có vô nhà mời bà T mua vé số, nên thấy được bà T có đưa tiền cho bà Th, khi đưa tiền bà T có nói: *“lần này là 10.000.000 đồng nha Tư”*, lúc đó bà B đang ở phía nhà sau giúp việc nhà cho bà T. Khi nghe bà Kim E trình bày lời khai tại phiên tòa thì, bà B thay đổi lời khai, cho rằng bà chỉ nghe được bà T nói với bà Th lần này là 10.000.000 đồng nha Tư chứ không chứng kiến trực tiếp. Qua đối chất tại phiên tòa cho thấy, lời khai của bà Kim E, bà B có mâu thuẫn nhau, không chứng minh được quá trình vay mượn tiền giữa bà T và bà Th.

[6] Đối với nguyên đơn cho mượn tiền nhưng không lập thành văn bản, bị đơn chỉ thừa nhận nhận nợ với số tiền 1.800.000 đồng. Đối với lời khai bị đơn cho rằng mượn tiền để đánh bạc (đánh bài tứ sắc) do bà T chứa chấp việc đánh bạc nhưng không nêu lên được việc đánh bạc cùng với những ai nên không có đủ cơ sở xác minh làm rõ. Đối với người làm chứng bà Trần Kim E, bà Phạm Thị B chỉ xác định nghe được bà T nói với bà Th *“lần này nữa mười triệu nghe Tư”* chứ không biết tiền đó là tiền gì, không chứng kiến việc thỏa thuận vay tiền, không nhớ ngày tháng năm, cũng không biết số lượng và mệnh giá, số tiền thực tế bà T giao cho bà Th là bao nhiêu, nên không có căn cứ chứng minh được bà T cho bà Th mượn số tiền 11.800.000 đồng. Bà Th chỉ thừa nhận mượn số tiền 1.800.000 đồng nên có căn cứ buộc bà Th có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 1.800.000 đồng, phần còn lại không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Bị đơn bà Dương Thị Th phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận 1.800.000 đồng với số tiền án phí bị đơn phải chịu là 300.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận: $10.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 500.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 147, 271, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc bà Dương Thị Th có trách nhiệm trả cho Bà Trần Thị T số tiền 1.800.000đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Dương Thị Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Dương Thị Th phải nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Trần Thị T phải nộp 500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002741 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, bà Trần Thị T phải nộp thêm số tiền 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Diệu